

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY
31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
YẾN SÀO KHÁNH HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		477,176,988,120	479,347,208,493
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	149,060,971,362	41,653,412,257
1. Tiền	111		98,954,859,315	41,653,412,257
2. Các khoản tương đương tiền	112		50,106,112,047	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179,384,391,099	211,921,396,670
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	126,231,157,779	155,325,121,381
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1,203,509,047	2,392,532,374
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	43,000,000,000	40,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	8,949,724,273	14,203,742,915
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		147,136,881,241	223,569,009,971
1. Hàng tồn kho	141	V.6	147,136,881,241	223,569,009,971
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,594,744,418	2,203,389,595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1,278,319,697	1,645,974,232
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	316,424,721	557,415,363
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		139,472,138,733	146,287,468,022
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		142,000,000	37,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	142,000,000	37,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		67,757,436,689	67,367,012,971
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	62,220,615,689	63,985,294,971
- Nguyên giá	222		137,548,904,001	133,353,643,735
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75,328,288,312)	(69,368,348,764)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5,536,821,000	3,381,718,000
- Nguyên giá	228		5,660,571,000	3,482,968,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(123,750,000)	(101,250,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,023,972,182	1,023,972,182
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1,023,972,182	1,023,972,182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9,000,000,000	9,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	9,000,000,000	9,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		61,548,729,862	68,859,482,869
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	61,548,729,862	68,859,482,869
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		616,649,126,853	625,634,676,515

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		320,047,752,554	320,649,276,622
I. Nợ ngắn hạn	310		320,047,752,554	320,649,276,622
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	64,393,846,368	95,470,828,933
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	451,741,955	1,130,305,878
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5,930,410,601	12,445,313,481
4. Phải trả người lao động	314	V.15	66,282,730,632	77,042,751,949
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	12,362,665,722	15,706,377,707
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	60,526,831,869	6,380,450,478
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	86,465,482,370	79,556,512,982
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	23,634,043,037	32,916,735,214
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

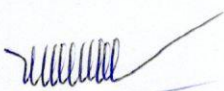
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

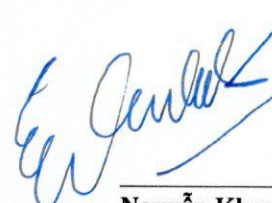
Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		296,601,374,299	304,985,399,893
I. Vốn chủ sở hữu	410		296,601,374,299	304,985,399,893
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	3,350,161,370	3,350,161,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	16,259,177,151	12,239,098,951
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	46,992,035,778	59,396,139,572
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,889,198,812	59,396,139,572
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		45,102,836,966	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		616,649,126,853	625,634,676,515

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2021


 Phạm Thị Lành
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Khoa Bảo
 Giám Đốc


 Trịnh Thị Hồng Vân
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Người đại diện theo pháp luật


CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

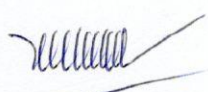
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ


(Dạng đầy đủ)

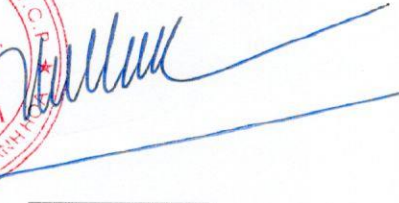
Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
			Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	385,418,196,315	266,510,414,279	810,584,680,534	694,715,093,040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		385,418,196,315	266,510,414,279	810,584,680,534	694,715,093,040
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	318,334,920,134	212,954,756,060	669,245,609,605	565,039,012,678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67,083,276,181	53,555,658,219	141,339,070,929	129,676,080,362
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,699,855,542	4,318,461,568	6,315,469,359	4,901,240,730
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,189,283,533	2,050,335,908	2,737,709,329	4,593,082,776
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,092,570,200	1,853,233,775	2,208,247,546	3,997,272,492
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	28,627,604,733	20,121,918,686	59,488,214,046	51,367,872,961
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15,712,043,423	10,875,890,383	30,524,936,460	28,303,003,441
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26,254,200,034	24,825,974,810	54,903,680,453	50,313,361,914
11. Thu nhập khác	31	VI.7	84,898,701	-	266,844,401	21,158,350
12. Chi phí khác	32	VI.8	7,662	624,783	18,868,553	713,063
13. Lợi nhuận khác	40		84,891,039	(624,783)	247,975,848	20,445,287
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26,339,091,073	24,825,350,027	55,151,656,301	50,333,807,201
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4,286,306,289	4,993,763,062	10,048,819,335	9,661,400,627
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>22,052,784,784</u>	<u>19,831,586,965</u>	<u>45,102,836,966</u>	<u>40,672,406,574</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-	-	-

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2021


 Phạm Thị Lành
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Khoa Bảo
 Giám Đốc


 Trịnh Thị Hồng Vân
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Người đại diện theo pháp luật


CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		55,151,656,301	50,333,807,201
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8; V.9	5,982,439,548	6,337,778,812
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(6,315,469,359)	(4,901,240,730)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2,208,247,546	3,997,272,492
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57,026,874,036	55,767,617,775
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28,172,843,645	(53,664,405,409)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	76,432,128,730	34,589,435,094
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(47,150,294,614)	(46,302,958,601)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7a;b	7,678,407,542	3,308,737,537
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(2,208,247,546)	(3,997,272,492)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(15,850,000,000)	(6,575,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	17,880,000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(9,363,191,257)	(1,082,749,692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		94,756,400,536	(17,956,595,788)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4,815,213,166)	(6,530,826,286)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.4	(20,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.4	17,000,000,000	30,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.4	13,557,402,347	20,473,699,654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5,742,189,181	43,942,873,368

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

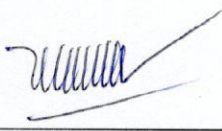
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	341,795,601,622	368,282,460,910
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(334,886,632,234)	(365,467,806,203)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6,908,969,388	2,814,654,707
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		107,407,559,105	28,800,932,287
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	41,653,412,257	11,279,392,744
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	149,060,971,362	40,080,325,031

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2021


 Phạm Thị Lành
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Khoa Bảo
 Giám Đốc




 Trịnh Thị Hồng Vân
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này vẫn tăng so với cùng kỳ do Công ty mở rộng thị trường tiêu thụ làm doanh số bán hàng tăng.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Vĩnh Cát, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến, nuôi chim yến.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa (*)	Lô NM5, NM6 đường số 1, Cụm Công nghiệp Sông Cầu, Xã Sông Cầu, Huyện Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa.	Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam (*)	Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa (*)	Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến.	100%	100%	100%

(*) Các công ty này chưa phát sinh số liệu kế toán do đang trong quá trình thành lập.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 942 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 950 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị thương hiệu, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê mặt bằng và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho mặt bằng đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08
Tài sản cố định khác	05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn. Công ty không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.576.468.191	1.298.841.820
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	94.378.391.124	40.354.570.437
Các khoản tương đương tiền	50.106.112.047	-
Cộng	<u>149.060.971.362</u>	<u>41.653.412.257</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	81.589.715.998	128.761.381.537
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	77.150.601.222	114.797.547.879
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	1.793.480.416	13.542.575.059
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	371.955.260	13.543.530
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	1.032.567.140	91.740.698
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	871.516.800	223.144.250
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN	365.777.060	37.596.943
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	3.818.100	55.233.178
Phải thu các khách hàng khác	44.641.441.781	26.563.739.844
Cửa hàng tổng hợp - Công ty Cổ phần du lịch thương mại Nha Trang	10.532.240.356	10.532.240.356
Công ty TNHH MTV Yến sào Phú Khánh	6.099.983.796	9.765.847.096
Công ty TNHH MTV IVNEST Việt Nam	5.948.636.833	4.950.152.924
Các khách hàng khác	22.060.580.796	1.315.499.468
Cộng	<u>126.231.157.779</u>	<u>155.325.121.381</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Huỳnh Long	394.511.700	2.099.292.800
Công Ty Cổ phần SQ Nha Trang	141.961.030	-
Công ty TNHH Hóa chất Nano	130.878.000	-
Công ty TNHH MTV Thiết kế XD Sanatech Land	197.805.000	-
Các nhà cung cấp khác	338.353.317	293.239.574
Cộng	<u>1.203.509.047</u>	<u>2.392.532.374</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa (bên liên quan) vay ngắn hạn, thời gian cho vay 12 tháng kể ngày cho vay, lãi suất cho vay là 6,0%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	5.915.789.669	-	13.148.722.657	-
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	5.871.168.569	-	13.113.101.557	-
- Lợi nhuận được chia	4.930.894.585	-	9.414.909.768	-
- Lãi cho vay	940.273.984	-	3.698.191.789	-
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào	17.389.900	-	14.389.900	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Khánh Hòa				
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam	13.615.600	-	10.615.600	-
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	13.615.600	-	10.615.600	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.033.934.604	-	1.055.020.258	-
Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	9.057.527	-
Quỹ phúc lợi	1.257.814.047	-	-	-
Tạm ứng	1.200.097.858	-	720.846.011	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	576.022.699	-	325.116.720	-
Cộng	8.949.724.273	-	14.203.742.915	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ thuê văn phòng.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.315.926.456	-	82.493.735.818	-
Công cụ, dụng cụ	60.308.649.587	-	76.184.402.399	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.512.974.154	-	8.590.149.051	-
Thành phẩm	20.025.541.186	-	22.085.318.309	-
Hàng hóa	8.895.135.445	-	26.453.574.559	-
Hàng gửi đi bán	7.078.654.413	-	7.761.829.835	-
Cộng	147.136.881.241	-	223.569.009.971	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê mặt bằng, bảng hiệu	1.275.736.360	1.627.890.897
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.583.337	18.083.335
Cộng	1.278.319.697	1.645.974.232

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh	49.031.346.459	53.785.822.473
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.664.660.736	3.451.552.146
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	6.939.609.497	7.799.524.967
Chi phí sửa chữa tài sản	2.913.113.170	3.820.670.509
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	1.912.774
Cộng	61.548.729.862	68.859.482.869

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	17.587.216.273	98.798.212.060	16.010.377.105	763.638.297	194.200.000	133.353.643.735
Mua trong kỳ	1.488.260.266	2.707.000.000	-	-	-	4.195.260.266
Số cuối kỳ	19.075.476.539	101.505.212.060	16.010.377.105	763.638.297	194.200.000	137.548.904.001
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3.410.493.832	24.014.035.638	8.733.724.325	220.202.076	-	36.378.455.871
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.957.601.500	45.880.295.366	12.105.704.188	372.697.710	52.050.000	69.368.348.764
Khấu hao trong kỳ	584.052.850	4.832.654.723	482.966.935	40.845.040	19.420.000	5.959.939.548
Số cuối kỳ	11.541.654.350	50.712.950.089	12.588.671.123	413.542.750	71.470.000	75.328.288.312
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.629.614.773	52.917.916.694	3.904.672.917	390.940.587	142.150.000	63.985.294.971
Số cuối kỳ	7.533.822.189	50.792.261.971	3.421.705.982	350.095.547	122.730.000	62.220.615.689
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.257.968.000	225.000.000	3.482.968.000
Mua trong kỳ	2.177.603.000	-	2.177.603.000
Số cuối kỳ	5.435.571.000	225.000.000	5.660.571.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	101.250.000	101.250.000
Khấu hao trong kỳ	-	22.500.000	22.500.000
Số cuối kỳ	-	123.750.000	123.750.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.257.968.000	123.750.000	3.381.718.000
Số cuối kỳ	5.435.571.000	101.250.000	5.536.821.000
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng công trình Nhà máy tại cụm công nghiệp Sông Cầu.

11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư vào công ty con, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Cộng	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201767187 ngày 09 tháng 11 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa 9.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.
- Các công ty con khác là: Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa, Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam, Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa hiện đang trong giai đoạn thành lập, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với các công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa là công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty bán hàng hóa và thành phẩm	358.375.100	452.813.676
Công ty mua nguyên vật liệu và hàng hóa	26.407.147.500	16.626.093.162
Công ty thu hồi gốc vay	17.000.000.000	30.000.000.000
Công ty cho vay	20.000.000.000	-
Lãi tiền vay được nhận	940.273.984	2.360.657.535
Lợi nhuận được chia	4.930.894.585	2.275.757.631

Cam kết góp vốn

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201770743 ngày 08 tháng 12 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa góp vốn điều lệ vào công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa là 50.000.000.000 VND.

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201815338 ngày 11 tháng 10 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinst Việt Nam 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa góp vốn điều lệ vào công ty này. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinst Việt Nam là 36.000.000.000 VND.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201815419 ngày 11 tháng 10 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinst Khánh Hòa 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa góp vốn điều lệ vào công ty này. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinst Khánh Hòa là 36.000.000.000 VND.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.350.273.013	3.405.229.271
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	1.964.008.420	2.128.462.708
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	307.755.170	851.906.780
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	78.509.423	424.859.783
Phải trả các nhà cung cấp khác	62.043.573.355	92.065.599.662
Công ty TNHH NHT	5.977.434.552	24.961.770.666
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	22.134.025.181	8.025.326.991
Các nhà cung cấp khác	33.932.113.622	59.078.502.005
Cộng	64.393.846.368	95.470.828.933

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hộ kinh doanh Phạm Quang Hãn	99.142.100	20.386.440
Các khách hàng khác	352.599.855	1.109.919.438
Cộng	451.741.955	1.130.305.878

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.579.261.747	-	39.373.615.262	(40.087.337.478)	5.865.539.531	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	6.556.710.471	(6.556.710.471)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.048.117.379	(1.048.117.379)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.866.051.734	-	10.048.819.336	(15.850.000.000)	64.871.070	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập cá nhân	-	557.415.363	12.000.986.088	(11.759.995.446)	-	316.424.721
Thuế tài nguyên	-	-	6.695.000	(6.695.000)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Cộng	12.445.313.481	557.415.363	69.042.943.536	(75.316.855.774)	5.930.410.601	316.424.721

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.151.656.301	50.333.807.201
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	23.334.959	248.953.563
- Các khoản điều chỉnh giảm	(15.706.377.707)	-
Thu nhập chịu thuế	39.468.613.553	50.582.760.764
Thu nhập được miễn thuế	(4.930.894.585)	(2.275.757.631)
Thu nhập tính thuế	34.537.718.968	48.307.003.133
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	6.907.543.794	9.661.400.627
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	3.141.275.541	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	10.048.819.335	9.661.400.627

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch, giá tính thuế là 5.000 VND/m³, thuế suất 5%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Số cuối kỳ là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phát triển thị trường, tăng trưởng	7.263.321.955	6.557.123.856
Chi phí quảng bá, trả thưởng	3.200.000.000	6.208.030.628
Trích trước chi phí vận chuyển	1.888.496.729	2.684.705.404
Chi phí thuê kho	-	39.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	10.847.038	217.517.819
Cộng	<u>12.362.665.722</u>	<u>15.706.377.707</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>27.882.210.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa - Cổ tức phải trả	27.882.210.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>32.644.621.869</i>	<i>6.380.450.478</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang - Cổ tức phải trả	3.829.347.000	-
Kinh phí công đoàn	4.168.206.490	3.668.744.568
Bảo hiểm xã hội	12.494.289	2.708.807
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	22.961.443.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.673.131.090	2.708.997.103
Cộng	<u>60.526.831.869</u>	<u>6.380.450.478</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	5.630.611.285	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱ⁾	34.047.145.788	16.822.055.569
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	6.897.581.850	24.766.603.073
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(iv)	39.890.143.447	37.967.854.340
Cộng	<u>86.465.482.370</u>	<u>79.556.512.982</u>

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 4 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	79.556.512.982
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	341.795.601.622
Số tiền vay đã trả	<u>(334.886.632.234)</u>
Số cuối kỳ	<u><u>86.465.482.370</u></u>

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Hoàn nhập quỹ do trích thừa	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	32.347.761.132	-	-	(7.302.950.000)	(1.997.971.848)	23.046.839.284
Quỹ phúc lợi	568.974.082	-	17.880.000	(1.622.671.257)	(221.996.872)	(1.257.814.047)
Quỹ thưởng Ban điều hành	(9.057.527)	1.033.831.280	-	(437.570.000)	-	587.203.753
Cộng	<u>32.907.677.687</u>	<u>1.033.831.280</u>	<u>17.880.000</u>	<u>(9.363.191.257)</u>	<u>(2.219.968.720)</u>	<u>22.376.228.990</u>

(*) Số dư đầu năm của Quỹ thưởng Ban điều hành và số dư cuối năm quỹ phúc lợi chi vượt được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	230.000.000.000	3.350.161.370	7.596.559.857	66.865.493.581	307.812.214.808
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước	-	-	-	(56.442.000.000)	(56.442.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận các năm trước	-	-	4.642.539.094	(4.642.539.094)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận các năm trước	-	-	-	(8.102.946.612)	(8.102.946.612)
Trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	(383.432.310)	(383.432.310)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	40.672.406.574	40.672.406.574

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ trước			-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	230.000.000.000	3.350.161.370	12.239.098.951	28.966.982.139	274.556.242.460
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	3.350.161.370	12.239.098.951	59.396.139.572	304.985.399.893
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(54.673.000.000)	(54.673.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm trước	-	-	4.020.078.200	(4.020.078.200)	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	2.219.968.720	2.219.968.720
Trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(1.033.831.280)	(1.033.831.280)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	45.102.836.966	45.102.836.966
Số dư cuối năm kỳ này	230.000.000.000	3.350.161.370	16.259.177.151	46.992.035.778	296.601.374.299

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	117.300.000.000	117.300.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	16.110.000.000	47.110.000.000
Các cổ đông khác	96.590.000.000	65.590.000.000
Cộng	230.000.000.000	230.000.000.000

Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 230.000.000.000 VND.

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-SKV ngày 04 tháng 6 năm 2021 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích/hoàn nhập trong kỳ này
• Chia cổ tức cho các cổ đông	54.673.000.000	-	54.673.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	4.020.078.200	-	4.020.078.200
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.080.031.280	18.300.000.000	(2.219.968.720)
• Trích thù lao, khen thưởng ban quản lý điều hành	1.608.031.280	574.200.000	1.033.831.280

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20e. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 12.395,99 USD (số đầu năm là 46,24 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm trong kỳ.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày tại thuyết minh số V.11, Công ty còn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	464.930.875.900	417.362.260.900
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	68.413.025.506	24.338.282.116
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	18.589.474.500	14.714.653.249
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	3.985.248.300	5.131.848.220
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	4.157.866.000	3.875.571.120
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN	1.916.417.800	2.996.023.500
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	1.748.753.900	1.434.894.940

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa, thành phẩm bán trong kỳ.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý II năm 2021	Quý II năm 2020	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	421.809.973	257.804.033	444.300.790	264.825.564
Lãi tiền cho vay	940.273.984	2.360.657.535	940.273.984	2.360.657.535
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.337.771.585	1.700.000.000	4.930.894.585	2.275.757.631
Cộng	4.699.855.542	4.318.461.568	6.315.469.359	4.901.240.730

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý II năm 2021	Quý II năm 2020	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.092.570.200	1.853.233.775	2.208.247.546	3.997.272.492
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	96.713.333	197.102.133	529.461.783	595.810.284
Cộng	1.189.283.533	2.050.335.908	2.737.709.329	4.593.082.776

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý II năm 2021	Quý II năm 2020	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.977.324.273	4.219.246.697	11.519.520.843	10.324.303.832
Chi phí vật liệu, bao bì	55.905.812	24.082.908	95.649.361	68.155.325
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	217.392.991	142.892.664	795.887.409	270.746.011
Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.687.417	276.783.892	384.660.548	520.178.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.058.010.318	6.430.220.785	29.735.994.603	22.106.832.893
Các chi phí khác	10.126.283.922	9.028.691.740	16.956.501.282	18.077.656.298
Cộng	28.627.604.733	20.121.918.686	59.488.214.046	51.367.872.961

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý II năm 2021	Quý II năm 2020	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.766.705.238	7.898.234.647	20.674.599.661	21.310.745.907
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	754.465.305	749.454.771	1.555.420.222	1.075.790.742
Chi phí khấu hao tài sản cố định	124.861.490	94.073.289	249.722.980	210.646.578
Thuế, phí và lệ phí	26.329.316	7.576.232	26.329.316	17.656.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.047.121.158	1.982.529.126	6.026.303.365	4.893.780.266
Các chi phí khác	1.992.560.916	144.022.318	1.992.560.916	794.383.716
Cộng	15.712.043.423	10.875.890.383	30.524.936.460	28.303.003.441

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý II năm 2021	Quý II năm 2020	Năm nay	Năm trước
Hàng hóa được biểu, tặng	84.887.000	-	84.887.000	19.950.000
Hàng thừa kiểm kê	-	-	181.945.700	-
Thu nhập khác	11.701	-	11.701	1.208.350
Cộng	84.898.701	-	266.844.401	21.158.350

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý II năm 2021	Quý II năm 2020	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp thuế	1.800	624.783	18.860.891	713.063
Xử lý công nợ	5.862	-	7.662	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý II năm 2021	Quý II năm 2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Cộng	7.662	624.783	18.868.553	713.063

9. Lãi trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	417.548.506.047	397.783.160.033
Chi phí nhân công	142.601.661.007	122.859.071.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.982.439.548	6.337.778.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.452.792.719	35.114.695.979
Chi phí khác	13.105.000.232	18.981.845.517
Cộng	626.690.399.553	581.076.552.168

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt thực hiện theo quy định công ty.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51,06% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH Một thành viên Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Sanest Tourist	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.11 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa		
Công ty phải trả chi phí dịch vụ vận chuyển	-	654.545.454
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	1.095.466.190	8.451.098.856
Công ty phải trả chi phí gia công yến nguyên liệu	4.704.095.000	18.268.110.000
Chi phí dịch vụ đo đạc tư vấn	532.474.000	-
Công ty chia cổ tức	27.882.210.000	28.785.420.000
Chiết khấu bán hàng	13.074.091.069	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	74.546.641.090	15.470.220.280
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Công ty phải trả chi phí dịch vụ, vận chuyển	42.956.363	38.625.454
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Công ty mua nhiên liệu: xăng, dầu	6.208.666.652	5.321.989.084
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Công ty phải trả chi phí sử dụng dịch vụ	-	72.727
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	775.560.235	757.704.886

Ngoài ra, Công ty mẹ là Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa còn bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại các tổ chức tín dụng (xem thuyết minh số V.18).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.5a, V.12 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

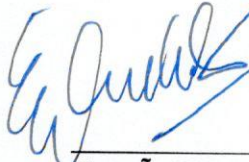
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

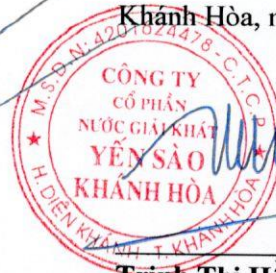
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.




Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc



Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2021



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật